TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 17 tháng 01 năm 2023

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)
Phần E.III - Kiến thức bổ trợ
Ngày thi: 15/01/2023

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,00	Bảy	41	Nông Thị Huyền My	8,50	Tám phẩy năm
2	Hoàng Thị Chao	7,00	Bảy	42	Nguyễn Thị Huyền My	8,00	Tám
3	Lôi Thị Chao	8,00	Tám	43	Lý Thị Mùi	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Trần Huệ Chi	6,50	Sáu phẩy năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	8,00	Tám
5	Đàm Quang Chiến	6,50	Sáu phẩy năm	45	Nông Thị Ngâm	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Hoàng Ngọc Diệp	6,50	Sáu phẩy năm	46	Dương Thị Nghiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm
7	Đàm Đức Dũng		***Thôi học***	47	Nguyễn Thị Nhã	8,00	Tám
8	Phạm Ngọc Điệp	6,25	Sáu phẩy hai năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm
9	Nguyễn Minh Đoàn	6,00	Sáu	49	Ma Thị Oanh	8,50	Tám phẩy năm
10	Lã Thị Giang	7,00	Bảy	50	Lý Thị Phúc	8,00	Tám
11	Đinh Văn Giáp	6,50	Sáu phẩy năm	51	Ngô Thị Phượng	8,25	Tám phẩy hai năm
12	Nông Thị Ngân Hà	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Hoàng Hải Quý	6,75	Sáu phẩy bảy năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	6,00	Sáu	53	Phùng Thị Quỳnh	8,25	Tám phẩy hai năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,00	Bảy	54	Nông Công Sỹ	6,50	Sáu phẩy năm
15	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	55	Phạm Thị Tài	8,00	Tám
16	Vũ Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Chu Văn Tình	6,75	Sáu phẩy bảy năm
17	Đỗ Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	57	Lục Toàn Thắng	6,50	Sáu phẩy năm
18	Lâm Thị Hiền	7,00	Bảy	58	Nông Quốc Thắng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Nguyễn Thị Thuận	8,50	Tám phẩy năm
20	Lục Minh Hiền	8,00	Tám	60	Lục Xuân Trường	7,50	Bảy phẩy năm
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,50	Tám phẩy năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	6,00	Sáu
22	Hoàng Thị Hoan	6,50	Sáu phẩy năm	62	Mã Thị Thu	6,25	Sáu phẩy hai năm
23	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	63	La Thị Minh Thứ	6,50	Sáu phẩy năm
24	Vũ Thị Hồng	6,50	Sáu phẩy năm	64	Lại Thị Minh Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Đồng Thanh Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	65	Nông Bích Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Ngân Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Bế Thị Thanh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
27	Vũ Thị Lan Hương	8,00	Tám	67	Lăng Thị Thủy	6,75	Sáu phẩy bảy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	8,00	Tám
29	Nông Thu Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Phan Thị Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lý Ánh Hường	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Quang Tuấn	8,25	Tám phẩy hai năm
31	Lục Đức Khánh		***Thôi học***	71	Nguyễn Thị Tuyển	7,00	Bảy
32	Lục Thị Kiều	6,50	Sáu phẩy năm	72	Nông Thị Tuyết	8,25	Tám phẩy hai năm
33	Lục Thị Phương Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Bế Xuân Vinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,50	Tám phẩy năm	74	Hoàng Trường Vương	8,00	Tám
35	Phan Khánh Linh	7,50	Bảy phẩy năm	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	7,50	Bảy phẩy năm
36	Phan Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm	76	Nguyễn Hải Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Hoàng Thị Liền	7,50	Bảy phẩy năm	77	Đàm Thị Yến	7,00	Bảy
38	Nông Thị Thúy Lưu	7,50	Bảy phẩy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	8,00	Tám
39	Đinh Thị Lụa	7,25	Bảy phẩy hai năm	79	Lương Thị Hải Yến	7,00	Bảy
40	Hà Vũ Mạnh	7,00	Bảy	80	Triệu Kim Ngân (K03)	7,75	Bảy phẩy bảy năm
				81	Đinh Thị Hậu (K11)	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,00: 03 điểm; Điểm 6,25: 02 điểm; Điểm 6,50: 10 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 14 điểm; Điểm 7,75: 10 điểm; Điểm 8,00: 11 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm; Điểm 8,50: 05 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Triệu Văn Lượng	Đoàn Thị Vân Thúy	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG